



**CÔNG TY CPĐT PT DV CT CC  
ĐỨC LONG GIA LAI**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	1
1. Thông tin khái quát .....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	1
a) Việc thành lập .....	1
b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	3
a) Ngành nghề kinh doanh .....	3
b) Địa bàn kinh doanh .....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	4
a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý .....	4
b) Các công ty con, công ty liên kết .....	4
5. Định hướng phát triển .....	5
a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty .....	5
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	5
c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty .....	5
6. Các rủi ro .....	6
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	6
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 .....	6
b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	6
2. Tổ chức và nhân sự .....	7
a) Danh sách Ban điều hành .....	7
b) Những thay đổi trong Ban điều hành .....	11
c) Chính sách đối với người lao động .....	11
3. Tình hình tài chính .....	12
a) Tình hình tài chính .....	12
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	12
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	13
a) Cổ phần .....	13
b) Cơ cấu cổ đông .....	13
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	13
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	14

2. Tình hình tài chính .....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	16
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...</b>	<b>18</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	19
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>19</b>
1. Hội đồng quản trị .....	19
a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị .....	19
b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	20
c) Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	20
d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành .....	21
e) Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị .....	21
2. Ban kiểm soát .....	21
a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát .....	21
b) Hoạt động của Ban kiểm soát .....	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát .....	22
a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích .....	22
b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan .....	22
c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty .....	24
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>25</b>
1. Ý kiến kiểm toán .....	25
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán .....	26



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa quý Cổ đông và quý nhà đầu tư!**

“Thịnh vượng là Bến xe Đức Long Gia Lai” là tôn chỉ sự phát triển bền vững của Bến xe Đức Long Gia Lai chúng tôi và cũng chính là thông điệp chuyển tới các cổ đông và các đối tác hợp tác.

Sau 09 năm phát triển, Bến xe Đức Long Gia Lai chuyển thành một bến xe kiểu mẫu với trên 60 đơn vị kết nối kinh doanh, là một trong những bến xe có uy tín toàn diện.

Thành công này khẳng định Bến xe Đức Long Gia Lai có tầm nhìn chiến lược, có khát vọng và đã xây dựng được hệ thống quản lý chuyên nghiệp, cùng một môi trường văn hóa mang đậm bản sắc Đức Long Gia Lai.

Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng, giảm thiểu tác động môi trường, lợi ích của cộng đồng là sứ mệnh của các cấp Ban Lãnh đạo Công ty, là cam kết đối với cổ đông.

Khát vọng đổi mới để tự hoàn thiện, để vươn xa hơn nữa. Để khẳng định một thương hiệu mạnh.

Bến xe Đức Long là mái nhà chung để chúng ta cùng thịnh vượng, là nơi ta biến khát vọng thành hiện thực, là nơi chúng ta kiểm nghiệm và triển khai kết quả nghiên cứu khoa học của mình.

Thay mặt tập thể các thành viên HĐQT, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các cơ quan hữu quan, đến các cổ đông, quý khách hàng và các nhà cung cấp đã tin tưởng ủng hộ, hợp tác để Bến xe thịnh vượng./.

Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Đỗ Chiến Đấu**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.**
- Tên tiếng nước ngoài: **DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.**
- Tên viết tắt: **DLGL INDPS**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **5900437257**
- Vốn điều lệ: **28.564.540.000**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **28.564.540.000**
- Trụ sở chính: **43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.**
- Điện thoại: **(84.59) 3829.021** Fax: **(84.59) 3829.021**
- Website: **<http://www.station.duclonggroup.com>**
- Email: **[busstation@dlglgroup.com](mailto:busstation@dlglgroup.com)**
- Mã chứng khoán: **DL1**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### a) Việc thành lập

- ❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005.
- ❖ Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.
- ❖ Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.
- ❖ Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007, số ĐKKD thay đổi 5900437257 cấp lần thứ 11 vào ngày 13/11/2013.



## Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Phương thức
1.	Ngày 21/12/2007	9.500.000.000	Góp vốn thành lập công ty.
2.	Ngày 16/10/2009	15.000.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.
3.	Ngày 02/12/2010	18.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.
4.	Ngày 16/01/2012	20.699.940.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 VND
5.	Ngày 06/12/2012	24.839.360.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng
6.	Ngày 15/11/2013	28.564.540.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng

## b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

**Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty**

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

**Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng**

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Số cổ phần phát hành: 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

91  
 T/P  
 11/01/2013  
 10/01/2013  
 10/01/2013  
 F.G

- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ.
- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)
- **Đối tượng phát hành:**
  - **CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**
    - Số lượng: 337.200 cổ phần.
    - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
    - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
    - Số lượng cổ đông: 35 người.
  - **CBCNV Công ty:**
    - Số lượng: 55.000 cổ phần.
    - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
    - Số lượng cổ đông: 48 người.
  - **Nhà đầu tư khác:**
    - Số lượng: 157.800 cổ phần.
    - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
    - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
    - Số lượng cổ đông: 11 người.
- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

**Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

↓ **Niêm yết:**

- ❖ Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.
- ❖ Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

**Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

**Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

**Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 VND.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

a) **Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- ✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: + Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu

004  
 ĐĂNG KÝ  
 PHÂN  
 AT TR  
 NG  
 LAI



+ Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.

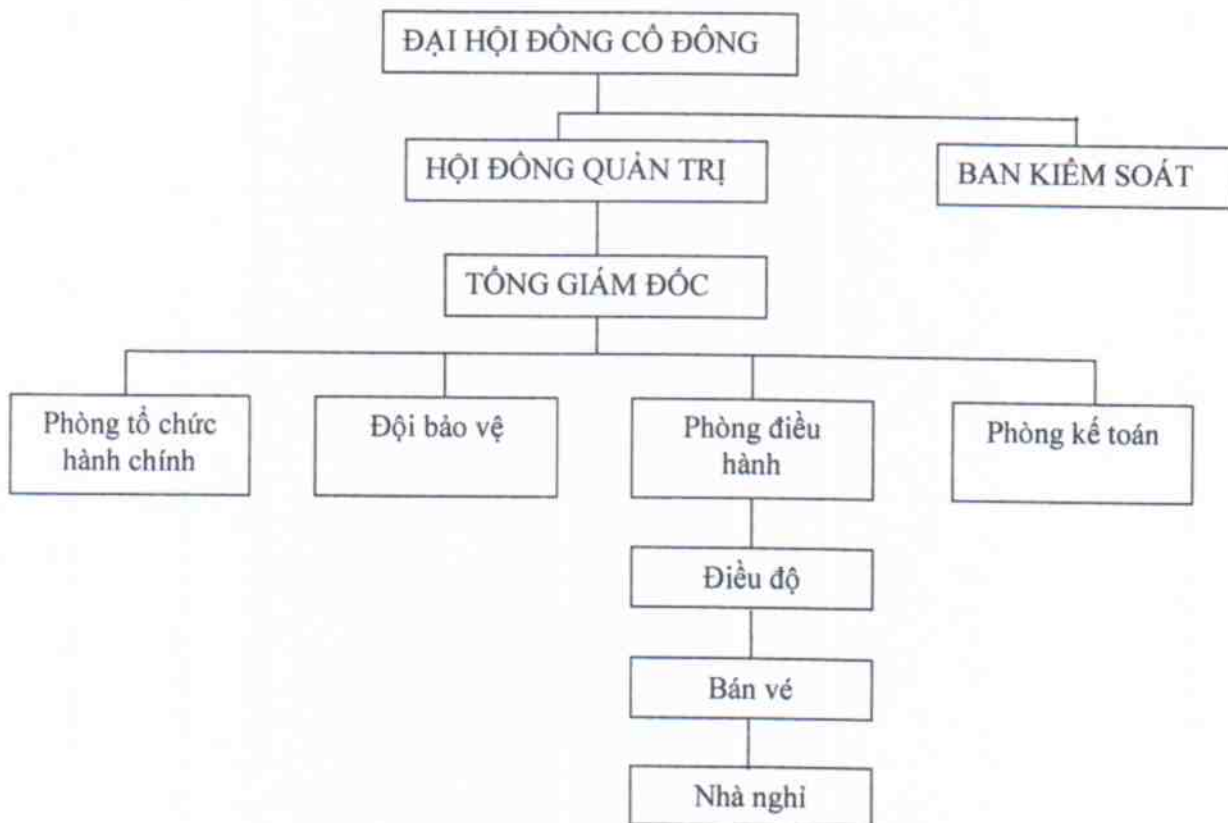
- ✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác  
Chi tiết: + Vận tải hành khách theo tuyến cố định.
- ✓ Dịch vụ ăn uống khác.
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)  
Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ✓ Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Buôn bán tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng.

**b) Địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay kinh doanh, điều hành Bến xe Đức Long Gia Lai và được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý**



**b) Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.



**5. Định hướng phát triển****a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển DLGL INDPS trở thành Công ty với chuỗi bến xe liên tỉnh mang thương hiệu Đức Long trên khắp khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước. Phấn đấu đến năm 2015 DLGL INDPS sẽ trở thành công ty hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe, bãi đỗ tại Việt Nam và có đủ năng lực để cạnh tranh với các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực này.

**b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

DLGL INDPS sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực mũi nhọn với chiến lược phát triển ngành cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ và vận chuyển hành khách công cộng là chủ yếu. Trong tương lai, DLGL INDPS sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

- Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại và khu vực nhà ga hành khách khép kín, hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư của Chính phủ;
- Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ;
- Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai, đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp;
- Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê ki ốt, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, DLGL INDPS cũng đã hoàn tất việc thiết lập, vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. CBCNV của Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm “Bến xe là nhà, CBCNV là chủ”, Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai hiệu quả cao hơn áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Công ty luôn thu hút nguồn nhân lực lớn, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người trong địa phương cũng như các tỉnh lân cận.

## 6. Các rủi ro

Bước vào năm 2014, nền kinh tế trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp chưa ổn định, còn những khó khăn và tiềm ẩn rủi ro, nợ xấu gia tăng, các ngân hàng tiếp tục siết chặt điều kiện cho vay sẽ làm cho các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vốn để phục hồi năng lực sản xuất kinh doanh. Giá xăng, dầu là nhiên liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giá xăng, dầu ngày một tăng cao. Làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất. Tuy nhiên trong năm 2013 về cơ bản Công ty vẫn đạt được mức doanh thu và lợi nhuận nhưng chưa đạt theo ý muốn.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013

Nền kinh tế trong năm 2013 đang có dấu hiệu thoát khỏi khủng hoảng nhưng tiềm ẩn bên trong là nguy cơ lạm phát cao đã thúc đẩy Chính phủ đưa ra các công cụ chính sách vĩ mô điều tiết nền kinh tế như: Giảm cung tiền, phát hành trái phiếu chính phủ, hạn chế tốc độ tăng trưởng tín dụng, chính sách về tỷ giá hối đoái, lãi suất chiết khấu và gần đây nhất là thay đổi lãi suất cơ bản. Đã góp phần kìm hãm lạm phát và bình ổn được thị trường. Tuy nhiên khi khối lượng tiền giảm làm cho lãi suất huy động giảm, việc huy động tiền ở các ngân hàng trở nên khó khăn. Trong khi đó, chi phí sử dụng vốn của các doanh nghiệp trở lên “đắt đỏ”, dòng vốn đổ vào thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán ngày một suy giảm. Những khó khăn chung của nền kinh tế cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến DLGL INDPS.

Kể từ ngày chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần ngày 21/12/2007 đến nay Công ty đã có bước tăng trưởng khá cao và ổn định, nó tạo cho tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ lợi nhuận tuy chưa đạt kế hoạch đặt ra, nhưng đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo.

#### b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

**Bảng 1: Tổng hợp kết quả kinh doanh**

DVT: Đồng

Năm	Tổng Doanh thu	Tăng trưởng Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Tăng trưởng Lợi nhuận
2008	15.084.614.803	-	2.365.466.781	-



Năm	Tổng Doanh thu	Tăng trưởng Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Tăng trưởng Lợi nhuận
2009	15.383.124.290	1,98%	4.891.799.721	106,80%
2010	18.956.820.206	23,35%	7.500.358.663	53,33%
2011	20.480.188.511	8,03%	6.202.068.530	-17,3%
2012	19.239.694.586	-6,05%	4.371.848.920	-29,5%
2013	19.096.147.497	-0,75%	2.754.040.627	-37%

Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính theo các năm (đã được kiểm toán)

Bảng tổng hợp số liệu trên cho thấy nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty và quyết tâm của Ban Lãnh đạo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu có lợi nhuận và ổn định để từng bước nâng cao vị thế Công ty và đời sống của CBCNV.

Công ty đang tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ bến xe, bãi đỗ, cho thuê văn phòng, dịch vụ vui chơi và giải trí. Đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách, nhằm đáp ứng và thoả mãn cao nhất nhu cầu vận tải.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban điều hành

• Ông Đỗ Chiến Đấu: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sở hữu 2.073% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Đỗ Chiến Đấu

Sinh năm: 13/05/1948

Nguyên quán: Phú Mãn – Thị Trấn Chờ Yên Phong – Bắc Ninh

Cư trú: 44 Lê Duẩn – Phù Đổng – Pleiku – Gia Lai

Điện thoại: (059). 3829021

Trình độ: Kỹ sư

#### Quá trình công tác:

- Từ 1995 - 2002: Giám đốc Công ty Vận tải Hành khách Gia Lai.
- Từ 2002 - 2005: Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Gia Lai.
- Từ 11/2007 – 02/2008: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 02/2008 – 02/2009: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 02/2009 – 03/2009 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.



- Từ 03/2009 – nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

• **Ông Bùi Pháp: Ủy viên Hội đồng quản trị. Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 54.67% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Bùi Pháp  
Sinh năm: 09/11/1962  
Nguyên quán: Huyện Hoài Ân – Tỉnh Bình Định  
Cư trú: 03 – Trần Quang Khải – Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (059) 748 789  
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

- Từ 1995 - 12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai.

- Từ 13/06/2007 - 16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- Từ 17/01/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Đình Trạc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 4.667% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Đình Trạc  
Sinh năm: 20/06/1957  
Nguyên quán: Nhơn Hòa – An Nhơn – Tỉnh Bình Định  
Cư trú: 06B – Trần Cao Vân – Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (059) 747 206  
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

- 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai

- 1990 – 2001: Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai

- 2002 – 2004: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai

- 2005 - 05/2007: Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai

- 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- 17/01/2010 – nay : Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

120  
C.TY  
LÀM  
TRIE  
TRINH  
LAI

Sinh năm: 31/10/1972  
Nguyên quán: Nghĩa Đông – Tư Nghĩa – Quảng Ngãi  
Cư trú: Tổ 4 – P. Thống Nhất – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: 0913.429.785  
Trình độ: Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

- Từ 2000 đến 2005: Nhân viên kinh doanh nông sản tại Công ty XNK tỉnh Gia Lai
- Từ 2006 đến 2010: Nhân viên kinh doanh nông sản Công ty TNHH An Lạc – IaGrai – Gia Lai
- Từ 11/2010 đến 04/2011: Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 4/2011 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Đức Sang Gia Lai.
- Từ 01/01/2014 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Lê Hoàng Ngọc: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Lê Hoàng Ngọc  
Sinh năm: 04/06/1981  
Nguyên quán: Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội  
Cư trú: Tổ 3 – P. Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2005 - 2008: Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 2008 – 2012: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 03/12/2012 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

• **Bà Trần Thị Kim Cúc: Trưởng Ban kiểm soát. Sở hữu 0.07% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Trần Thị Kim Cúc  
Sinh năm: 15/07/1982  
Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định

Cư trú: 02 – Đặng Trần Côn– Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Kế toán viên.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004-2006: Đi học
- Từ 2006-2009: Nhân viên thu ngân Bến xe Đức Long Gia Lai
- Từ 2009 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

• **Bà Lý Thị Bắc: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Lý Thị Bắc  
Sinh năm: 07/08/1988  
Nguyên quán: Xã Phúc Lương – Huyện Đại Từ – Tỉnh Thái Nguyên  
Cư trú: Hà Đông – Đak Đoa– tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: 0592.211.564  
Trình độ: Đại học

**Quá trình công tác:**

Nhân viên công ty CPDDTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Lê Hoài Nhân: Thành viên Ban kiểm soát. Sở hữu 0.07% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Lê Hoài Nhân  
Sinh năm: 02/12/1981  
Nguyên quán: Cát Tài – Phù Cát – Bình Định  
Cư trú: 1/3 Lê Thánh Tôn- P. Iakring – Gia Lai  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Trung cấp Kinh tế giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004 đến 2006: Đi làm
- Từ 2006 đến 2009: Làm ở Bến xe Đức Long Gia Lai

• **Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Sở hữu 0.07% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Hà Thị Phương Oanh  
Sinh năm: 02/12/1981  
Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định  
Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Đại học, chuyên ngành Tài chính kế toán.



**Quá trình công tác:**

- Từ 2004 đến 2006: Kế toán XNTD Đức Long
- Từ 2006 đến 2009: Kế toán Công ty CPĐTPTDVCTCC Đức Long Gia Lai

**b) Những thay đổi trong Ban điều hành**

**• Về thành viên Hội đồng quản trị:**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 26/05/2013, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 02 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn xin từ nhiệm tại đại hội của ông Võ Châu Hoàng và ông Lê Phú Hà.

- Tiến hành bầu bổ sung 02 thành viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2012 -2017 là ông Phạm Anh Hùng và ông Lê Hoàng Ngọc.

**• Về Thành viên Ban kiểm soát:**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 26/05/2013, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát theo đơn xin từ nhiệm tại đại hội của ông Đỗ Tấn Hoa.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 -2017 là bà Lý Thị Bắc.

**• Thay đổi chức danh lãnh đạo Công ty**

- Ngày 22/08/2013 theo Quyết định số 15/QĐ-CT miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc đối với ông Lê Phú Hà. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22/08/2013.

**c) Chính sách đối với người lao động**

Về công tác nhân sự, một mặt Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới. Mặt khác Công ty tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công việc. DLGL INDPS cũng làm tốt công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình và xây dựng đội ngũ dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Tính đến 31/12/2013, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 90 người, tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung lao động còn thiếu và sức hút lao động của DLGL INDPS chưa cao.

### 3. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	43.754.978.632	45.306.945.563	+3,54%
2	Doanh thu thuần	19.239.694.586	19.096.147.497	-0,74%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.331.691.727	3.623.678.906	-32,03%
4	Lợi nhuận khác	-15.731.900	-19.939.800	+26,74%
5	Lợi nhuận trước thuế	5.315.959.827	3.603.739.106	-32,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.371.848.920	2.754.040.627	-37%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.760	964	-45,22%

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4.39	7.82	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	4.39	7.82	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.11	0.08	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.12	0.08	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	39.17	1,330.58	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.44	0.42	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.23	0.14	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.11	0.07	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.10	0.06	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...	0.28	0.19	



**4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****a) Cổ phần**

- Tổng số cổ phiếu niêm yết: 2.856.454 cổ phiếu ( Hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi bốn cổ phiếu)
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 28.564.540.000 đồng (Hai mươi tám tỷ năm trăm sáu mươi tư triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.856.454 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

**b) Cơ cấu cổ đông**

Tiêu chí phân loại	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Tổng cộng số cổ đông	Tổng cộng số cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông lớn ( từ 5% trở lên)	1	1,561,608	54.67	232	2,856,454
	Cổ đông nhỏ	231	1,294,846	45.33		
Loại cổ đông sở hữu	Cổ đông tổ chức	21	1,627,257	56.968	232	2,856,454
	Cổ đông cá nhân	211	1,229,197	43.032		
Cổ đông khác	Cổ đông trong nước	223	2,773,339	97.09	232	2,856,454
	Cổ đông nước ngoài	9	83,115	2.91		

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Trong năm Công ty thực hành quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:3 ( nghĩa là căn cứ vào ngày chốt danh sách cổ đông 12/09/2013 để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được 01 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cứ 20 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được nhận 03 cổ



phiếu mới). Theo đó mức vốn điều lệ mới sau khi chi trả cổ tức năm 2012 là **28.564.540.000** đồng.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2013 là năm mà nền kinh tế có nhiều biến động, tình hình kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Cuộc khủng hoảng toàn cầu từ năm 2008 và kéo dài đến cuối năm 2013 đã làm cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới gặp không ít khó khăn. Bước sang năm 2013, còn khả năng lạm phát cao, giá vàng biến động, bên cạnh đó sự yếu đi của đồng đô la Mỹ đã làm cho nền kinh tế gặp không ít khó khăn.

Ở trong nước, ngành giao thông vận tải cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo theo ngành dịch vụ bến xe bãi đỗ cũng bị ảnh hưởng tiếp theo. Tuy nhiên Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã không ngừng nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả sản xuất kinh doanh của mình theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị đề ra.

Với tình hình như vậy, trong năm 2013 Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã có những thuận lợi, khó khăn như sau:

#### **Thuận lợi:**

➤ Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Đức Long Gia Lai về mọi mặt và sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

➤ Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của Công ty.

➤ Hoạt động kinh doanh của Công ty được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ mà còn có cả các dịch vụ kèm theo như cho thuê văn phòng, cho thuê Kiot và kinh doanh thương mại....

#### **Khó khăn:**

➤ Tình hình thị trường không ngừng biến động, giá xăng dầu trong nước liên tiếp tăng và lượng hành khách đi lại giao thương giữa các vùng miền có chiều hướng giảm đã làm cho các hãng vận tải phải cắt giảm chuyến để bảo toàn lợi nhuận, điều này dẫn đến Doanh thu và lợi nhuận của công ty cũng bị ảnh hưởng theo.



➤ Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng “xe dù”, “bến cóc” hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai.

➤ Lạm phát tăng và có dấu hiệu tăng cao, dẫn đến chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã làm cho việc kinh doanh của các Doanh nghiệp gặp không ít khó khăn kéo theo nhu cầu giao thương đi lại của người dân sụt giảm.

➤ Nguồn lực về đội ngũ quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.

## 2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	54,602	50,751
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	44,503	48,69
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	0,8	0,83
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	10,718	7,698
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	89,282	92,301
<b>3. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,394	7,817
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,390	7,817
<b>4. Tỷ suất lợi nhuận</b>			
- LNTT/Tổng tài sản	%	12,149	7,954
- LNST/Doanh thu thuần	%	22,723	14,421
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	11,191	6,585

- **Tình hình nợ phải trả:** Đối với chỉ số khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành đạt 7,817 lần, cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên các chỉ số này của Công ty hiện nay quá cao nên Ban điều hành Công ty sẽ có kế hoạch khai thác triệt để thế mạnh về vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư trong những năm tiếp theo.

- **Tình hình tài sản:** Đặc thù Công ty là kinh doanh dịch vụ, hiện tại Công ty sử dụng vốn đầu tư vào TSCĐ nhưng hiệu suất sử dụng của TSCĐ chưa



cao. Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2012 là 0,8 lần, năm 2013 tăng lên 0,83 lần. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định thấp dẫn đến khả năng sinh lời TSCĐ chưa đạt.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

#### **✦ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:**

➤ Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy chế theo quy định...

➤ Tiến hành các thủ tục hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần 6 trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Thị trường chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/11/2013.

✦ **Các biện pháp kiểm soát:** Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vận tải lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được Công ty duy trì và có sự vượt trội. Kết quả đạt được như trên là do:

➤ Chủ trương lãnh đạo của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Công ty mẹ) hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn với sự phát triển của Công ty.

➤ Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Công ty đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.

➤ Công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống xe buýt... đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.

➤ Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000...

➤ Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay...

➤ Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

#### **✦ Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2014:**

- |                        |                 |
|------------------------|-----------------|
| ➤ Doanh thu            | : 22 tỷ đồng    |
| ➤ Lợi nhuận trước thuế | : 3,7 tỷ đồng   |
| ➤ Thuế nộp cho NSNN    | : 0,740 tỷ đồng |

➤ Lợi nhuận sau thuế TNDN : 2,960 tỷ đồng

✚ **Các căn cứ lập kế hoạch:**

➤ Công tác kinh doanh:

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy thế mạnh của kết quả hoạt động những năm đã qua, đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, quản lý lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, duy trì các đối tác, khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm, mở rộng thị trường ... đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận từ 15 % trở lên so với năm trước.

➤ Chiến lược nhân sự và công tác xây dựng bộ máy:

- Nhân sự luôn là vấn đề nòng cốt và đi đầu cho sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Ban Giám đốc sẽ tập trung nghiên cứu, đề ra các chính sách để khuyến khích lực lượng cán bộ - nhân viên và cán bộ chủ chốt hiện đang cống hiến gắn bó với Công ty, đồng thời thực hiện chính sách thu hút nhân tài, nhất là cán bộ cấp cao có đủ năng lực trình độ về làm việc cho Công ty;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, phân cấp, ủy quyền quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo và tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Duy trì và cải tiến các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

- Điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

➤ Công tác quản trị tài chính kế toán:

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chi tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.





và IV năm 2013; báo cáo tài chính 6 tháng năm 2013 đã được kiểm toán; báo cáo thường niên năm 2012.

- Hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012 cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2013 ngày 26/05/2013. Theo đó, số lượng cổ phiếu phát hành là 372.518 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu trên đã được đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung theo đúng quy định của pháp luật và chính thức giao dịch vào ngày 15/11/2013.

- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2013 theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 26/05/2013.

- Giám sát các hoạt động khác diễn ra trong công ty.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Công ty luôn vững tin với những kết quả đạt được và trên tinh thần “nói là làm”, HĐQT sẽ cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc bằng những hành động cụ thể, taaph trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, đảm bảo tăng trưởng doanh thu lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa kì vọng mà cổ đông tin tưởng. Với các định hướng như sau:

- Đạt kế hoạch doanh thu.
- An toàn tuyệt đối trong sản xuất.
- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
- Phát huy các mối quan hệ bền chặt với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.
- Kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền và Công đoàn chăm lo đời sống cho người lao động.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1.	Ông Đỗ Chiến Đấu	Chủ tịch	2.073%	Thành viên điều hành
2.	Ông Bùi Pháp	Ủy viên	Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia	Thành viên độc lập

59  
 CH  
 PH  
 TH  
 10  
 LAI



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
			Lai sở hữu 54.67%	
3.	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	4.667%	Thành viên độc lập
4.	Ông Phạm Anh Hùng	Ủy viên	0%	Thành viên độc lập
5.	Ông Lê Hoàng Ngọc	Ủy viên	0.073%	Thành viên điều hành

**b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Công ty chưa thành lập các tiêu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị**

❖ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	10/04/2013	V/v vay vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013-2014	100%
2	14/05/2013	Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2013-2015	100%
3	29/07/2013	V/v thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2012	100%
4	29/07/2013	V/v thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2012	100%
5	26/08/2013	V/v chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2012	100%
6	22/08/2013	V/v miễn nhiệm chức danh Phó Giám Đốc công ty đối với ông Lê Phú Hà	100%
7	05/10/2013	V/v thông qua thực hiện đăng ký lưu ký và hồ sơ đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2012	100%



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
8.	05/10/2013	V/v thông qua sửa đổi điều 5 của điều lệ công ty về vốn điều lệ mới sau khi trả cổ tức	100%

Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**

**e) Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị**

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

**2. Ban kiểm soát**

**a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát**

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thị Kim Cúc	Trưởng ban	0.07%
2	Lê Hoài Nhân	Thành viên	0.07%
3	Lý Thị Bắc	Thành viên	0%

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động: Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, cả năm của Công ty; kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên; Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Cụ thể như sau :

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, năm 2013 của Công ty. Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán các kỳ báo cáo tài chính và đột xuất khi có yêu cầu.

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan các công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.



- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Xem xét, kiểm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;

- Xem xét, kiểm tra thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

- Báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Chấn chỉnh các nghiệp vụ sai sót do chuyên môn và đề xuất nhiều vấn đề cho công tác quản lý trong toàn Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- **Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát**

- Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:**

- 1% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.

- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

#### b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Chiến Đẩu	Chủ tịch HĐQT	51.501	2,073%	59.226	2.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012

DLGL INDPS

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
2	Đỗ Chiến Trinh	Con ông Đỗ Chiến Đẩu – Chủ tịch HĐQT	303	0,012%	348	0.012%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
3	Bùi Pháp	Thành viên HĐQT	1.357.920	54,668%	1.561.608	54.669%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
4	Bùi Thị Bó	Chị ruột Ông Bùi Pháp-Thành viên HĐQT	17.388	0,700%	19.996	0.700%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
5	Nguyễn Thị Hương	Vợ Ông Bùi Pháp-Thành viên HĐQT	91.908	3,700%	105.694	3.700%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
6	Bùi Thị Anh	Chị ruột Ông Bùi Pháp-Thành viên HĐQT	17.388	0,700%	19.996	0.700%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
7	Bùi Thị Dũng	Chị ruột Ông Bùi Pháp-Thành viên HĐQT	17.388	0,700%	19.996	0.700%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
8	Nguyễn Đình Trạc	Thành viên HĐQT	115.920	4,667%	133.308	4.667%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
9	Lâm Thị Ngọc Phượng	Vợ Ông Nguyễn Đình Trạc-Thành viên HĐQT	1.821	0,073%	2.094	0.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
10	Võ Châu Hoàng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 26/05/2013)	17.388	0.700%	19.996	0.700%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
11	Lê Phú Hà	Thành viên HĐQT/Phó Giám	51.501	2.073%	59.226	2.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm



Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
		độc (Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 26/05/2013, Miễn nhiệm Phó Giám đốc từ ngày 22/08/2013)					2012
12	Lê Hoàng Ngọc	Thành viên HĐQT/Giám đốc/Người CBTT	1.821	0,073%	2.094	0.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
13	Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	1.821	0,073%	2.094	0.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
14	Trần Thị Kim Cúc	Trưởng BKS	1.821	0,073%	2.094	0.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
15	Lê Hoài Nhân	Thành viên BKS	1.821	0,073%	2.094	0.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012
16	Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	1.821	0,073%	2.094	0.073%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012

**c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, DLGL INDPS tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo; kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty; tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn; chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, áp

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 1. Ý kiến kiểm toán


**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
 THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
 Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
 Tel: 84-91-3858886 Fax: 84-91-3858887  
 Email: aac@aac.com.vn  
 Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
 47-49 Hoàng Sa (Thị trấn 4 Tia) - Quận Thủ Đức  
 Quận Thủ Đức, Hồ Chí Minh  
 Tel: 84-9-3882215 Fax: 84-9-3882216  
 Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 307/2014/BCKT-AAC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07/02/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 26.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**


Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

  
 Nguyễn Trọng Hiếu  
 Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính và các Thuyết minh báo cáo đính kèm

  
 Nguyễn Trung Dũng  
 Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1380-2013-010-1

Trang 4



## 2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
47 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.060.333.011</b>	<b>19.472.496.083</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>497.335.665</b>	<b>232.708.438</b>
1. Tiền	111		297.335.665	232.708.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>800.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			800.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.549.062.670</b>	<b>17.473.422.868</b>
1. Phải thu khách hàng	131		136.810.864	376.361.364
2. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	20.412.251.806	17.097.061.504
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			<b>18.425.638</b>
1. Hàng tồn kho	141			18.425.638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.013.934.676</b>	<b>947.939.139</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>7</b>	480.221.966	509.247.600
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>8</b>	155.758.680	155.758.680
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>9</b>	377.954.030	282.932.859
			<b>23.246.612.552</b>	<b>24.282.482.549</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>			
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.994.027.639</b>	<b>23.890.906.517</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>10</b>	22.994.027.639	23.890.906.517
- Nguyên giá	222		31.389.768.114	30.537.179.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.395.740.475)	(6.646.273.132)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>11</b>		
- Nguyên giá	228		58.625.000	58.625.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.625.000)	(58.625.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>252.584.913</b>	<b>391.576.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	252.584.913	391.576.032
2. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.306.945.563</b>	<b>43.754.978.632</b>

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.488.094.388</b>	<b>4.689.444.084</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.821.806.511</b>	<b>4.431.716.813</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	150.000.000	832.511.000
2. Phải trả người bán	312		399.692.930	588.003.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	438.158.616	991.268.452
4. Phải trả người lao động	315		279.466.080	240.157.662
5. Chi phí phải trả	316	15	1.165.833	2.216.322
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	485.612.985	670.450.256
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.067.710.067	1.107.110.967
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>666.287.877</b>	<b>257.727.271</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	450.000.000	
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		216.287.877	257.727.271
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.818.851.175</b>	<b>39.065.534.548</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>41.818.851.175</b>	<b>39.065.534.548</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	28.564.540.000	24.839.360.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	8.025.697.065	8.025.697.065
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	1.006.961.740	1.006.961.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	4.221.652.370	5.193.515.743
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.306.945.563</b>	<b>43.754.978.632</b>



Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

*Lưu ý: Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 26 là hồ phần hợp thành các Báo cáo tài chính này.*

Trang 6



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 13/2006/QĐ - BT,  
ngày 29/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	19.096.147.497	19.239.694.586
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19		
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	19.096.147.497	19.239.694.586
4. Giá vốn hàng bán	11	20	12.258.349.191	10.637.837.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>6.837.798.306</u>	<u>8.601.856.622</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	104.409.759	24.200.846
7. Chi phí tài chính	22	22	106.982.823	157.730.995
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.982.823	157.730.995
8. Chi phí bán hàng	24		562.337.754	573.802.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.649.208.382	2.562.832.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>3.623.678.906</u>	<u>5.331.691.727</u>
11. Thu nhập khác	31		733.200	668.100
12. Chi phí khác	32		20.673.000	16.400.000
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(19.939.800)</u>	<u>(15.731.900)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	<u>3.603.739.106</u>	<u>5.315.959.827</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	849.698.479	944.110.907
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	<u>2.754.040.627</u>	<u>4.371.848.920</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	964	1.760



Kế Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 3 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DS  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	20.441.445.178	20.371.279.450
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(10.119.909.465)	(7.156.725.062)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.957.109.742)	(2.873.324.982)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(108.033.312)	(155.514.673)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.300.000.000)	(538.876.360)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.156.400.277	4.137.434.788
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.565.910.740)	(8.131.203.015)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>546.882.196</b>	<b>5.753.069.546</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(953.472.728)	(3.746.281.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.600.000.000)	(800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.400.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.409.759	24.200.846
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(49.062.969)</b>	<b>(4.522.080.154)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.200.000.000	800.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.432.511.000)	(2.152.904.274)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(681.000)	(562.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(233.192.000)</b>	<b>(1.353.466.274)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>264.627.227</b>	<b>(122.476.882)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	232.708.438	355.185.320
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>497.335.665</b>	<b>232.708.438</b>



Lê Hoàng Ngọc  
 Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Các Thành viên kiểm toán từ trang 9 đến trang 26 là thành viên hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 8



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/11/2013). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 (thay đổi lần 4 ngày 24/10/2013) với mã chứng khoán DL1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

#### Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi số bằng Đồng Việt Nam (VND)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

*“Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính”*

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phân tích vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính

#### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Trang 13



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BAO CÁO TÀI CHÍNH

(Theo năm tài chính kế thừa ngày 31/12/2013)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.6. Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân tích theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 48
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

### 4.7. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phân tích theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Trang 12



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI**  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

**4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt thuộc đối tượng không chịu thuế. Các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...) chịu thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được trong 6 tháng đầu năm 2013, áp dụng thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được trong 6 tháng cuối năm 2013 do đáp ứng điều kiện là tổng doanh thu của năm 2012 không quá 20 tỷ đồng.
- Tiền thuế đất: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 thay đổi ngày 24 tháng 11 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn tiền thuế đất đối với diện tích để mở rộng bến xe khách và xây dựng bến xe tải trong thời gian xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được miễn tiền thuế đất trong 3 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (30/11/2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.15 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Trang 13

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	262.073.949	193.385.039
Tiền gửi ngân hàng	35.261.716	39.323.399
Các khoản tương đương tiền	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>497.335.665</b>	<b>232.708.438</b>
6. Các khoản phải thu khác	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	20.186.832.795	17.070.029.295
Phải thu CNV về đồng phục, bảo hiểm	16.860.612	25.940.612
Phải thu ông Lê Phú Hà	208.558.399	1.091.597
<b>Cộng</b>	<b>20.412.251.806</b>	<b>17.097.061.504</b>
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vé, hóa đơn GTGT kiêm lệnh xuất kho	107.550.045	142.541.300
Chi phí thay thế sảm lốp ô tô	243.833.333	285.258.500
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	77.459.653	81.447.600
Chi phí bảo trì phần mềm	51.378.935	-
<b>Cộng</b>	<b>480.221.966</b>	<b>509.247.600</b>
8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền thuế đất	155.758.680	155.758.680
<b>Cộng</b>	<b>155.758.680</b>	<b>155.758.680</b>

Trang 14



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LÔNG GIA LAI**  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cao năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Lưu ý: Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	377.954.030	282.932.859
<b>Cộng</b>	<b>377.954.030</b>	<b>282.932.859</b>

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	25.443.674.090	4.806.105.559	87.400.000	20.537.179.649
Mua sắm trong năm	-	859.745.455	-	859.745.455
Đầu XDCB h/hành	55.000.000	-	-	55.000.000
Giảm trong năm	42.156.990	-	20.000.000	62.156.990
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.656.517.100</b>	<b>5.665.851.014</b>	<b>67.400.000</b>	<b>31.389.768.114</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	4.141.778.083	2.427.928.382	76.566.667	6.646.273.132
Khấu hao trong năm	1.216.455.174	568.005.833	1.999.998	1.786.461.005
Giảm trong năm	25.826.997	-	11.166.665	36.993.662
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.332.406.260</b>	<b>2.995.934.215</b>	<b>67.400.000</b>	<b>8.395.740.475</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	21.501.896.007	2.378.177.177	10.833.333	23.890.906.517
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.324.110.840</b>	<b>2.669.916.799</b>	<b>-</b>	<b>22.994.027.639</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 67.400.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản đã thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2013 là 859.745.455 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
431 Nguyễn Đức, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cận năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là hồ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá	58.625.000	58.625.000
Số đầu năm		
Tăng trong năm		
Giảm trong năm	58.625.000	58.625.000
Số cuối năm		
Khấu hao	58.625.000	58.625.000
Số đầu năm		
Khấu hao trong năm		
Giảm trong năm	58.625.000	58.625.000
Số cuối năm		
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		
Số cuối năm		

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 58.625.000 đồng.

#### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	109.403.097	133.848.761
Chi phí thuê cây xăng nhiều năm (Tương ứng với doanh thu thuần trước)	143.181.816	257.723.271
Cộng	252.584.913	391.572.032

#### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn		800.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội-CN Gia Lai		800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	150.000.000	32.511.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-CN Gia Lai	150.000.000	32.511.000
Cộng	150.000.000	832.511.000

Trang 16



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.978.290	115.786.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	425.180.326	875.481.847
<b>Cộng</b>	<b>438.158.616</b>	<b>991.268.452</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay phải trả	1.165.833	2.216.322
<b>Cộng</b>	<b>1.165.833</b>	<b>2.216.322</b>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	197.841.510	81.183.061
Bảo hiểm thất nghiệp	8.579.880	1.931.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	270.191.595	587.336.195
- Nhận đặt cọc của Công ty TNHH MTV Mặt Linh Gia Lai	19.247.000	380.000.000
- Nhận đặt cọc của nhân viên bán vé, kí ốt, bến bãi	245.048.025	206.116.510
- Cổ tức phải trả	109.000	66.000
- Phải trả khác	14.787.570	1.153.685
<b>Cộng</b>	<b>485.612.985</b>	<b>670.450.256</b>

17. Vay và nợ dài hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	450.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	450.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000</b>	-

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng số

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1682/HDCV/PN/TCB-PLU ngày 26/12/2013. Mục đích vay mua ô tô. Tổng số tiền vay: 600.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/12/2013). Lãi suất 13,99%/năm và cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Sau 3 tháng đầu, lãi suất được điều chỉnh định kỳ một tháng một lần vào các ngày 15 và bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,75% năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Techcombank quy định. Tài sản đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	20.699.940.000	5.697.894.013	696.858.313	7.909.674.729	35.004.357.055
Tăng trong năm	4.139.420.000	2.327.813.052	310.103.427	4.371.848.920	11.149.185.399
Giảm trong năm	-	-	-	7.088.007.906	7.088.007.906
Số dư tại 31/12/2012	<u>24.839.360.000</u>	<u>8.025.697.065</u>	<u>1.006.961.740</u>	<u>5.193.515.743</u>	<u>39.065.534.548</u>
Số dư tại 01/01/2013	24.839.360.000	8.025.697.065	1.006.961.740	5.193.515.743	39.065.534.548
Tăng trong năm	3.725.180.000	-	-	3.724.040.627	6.479.220.627
Giảm trong năm	-	-	-	3.725.904.000	3.725.904.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>28.564.540.000</u>	<u>8.025.697.065</u>	<u>1.006.961.740</u>	<u>4.221.652.370</u>	<u>41.818.851.175</u>

##### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	15.616.080.000	13.579.200.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.948.460.000	11.260.160.000
<b>Cộng</b>	<u>28.564.540.000</u>	<u>24.839.360.000</u>

##### c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	2.856.454	2.483.936
- Cổ phiếu thường	2.856.454	2.483.936
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.856.454	2.483.936
- Cổ phiếu thường	2.856.454	2.483.936
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

Trang 19



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI**  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.193.515.743	7.909.674.729
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.754.040.627	4.371.848.920
Phân phối lợi nhuận năm trước	3.725.904.000	7.088.027.906
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.327.813.052
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	310.103.427
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	310.103.427
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.725.180.000	4.139.420.000
- Trả cổ tức bằng tiền (tax lý cổ phiếu)	724.000	265.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>4.221.652.370</b>	<b>5.193.515.743</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/NQĐHĐCĐ/2013 ngày 26/05/2013

**e. Cổ tức**

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/NQĐHĐCĐ/2013 ngày 26/05/2013 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vốn điều lệ (tương ứng số tiền 3.725.904.000 đồng). Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là 20:3. Theo thông báo số 790/2013-DL1/VSD ngày 17/09/2013 của Trung tâm lưu ký về việc chốt danh sách trả cổ tức bằng cổ phiếu, số cổ phiếu tăng thêm 372.518 cổ phiếu (tương ứng số tiền 3.725.180.000 đồng) và ngày 30/10/2013 Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ra quyết định số 526/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu. Đối với cổ tức tương ứng với cổ phiếu là (số tiền 724.000 đồng) được trả bằng tiền.

19. Doanh thu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	19.096.147.497	19.239.694.586
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển hàng và bưu kiện	9.233.508.087	9.250.079.731
+ Doanh thu dịch vụ bến xe	9.841.215.582	9.881.428.793
+ Doanh thu bán hàng	21.423.828	259.186.069
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19.096.147.497</b>	<b>19.239.694.586</b>

Trang 14

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Giá vốn hàng bán	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ vận chuyển bằng xe buýt	8.075.601.925	7.690.478.409
Giá vốn dịch vụ bến xe	4.164.321.628	2.831.783.429
Giá vốn bán hàng	18.425.638	115.576.126
<b>Cộng</b>	<b>12.258.349.191</b>	<b>10.637.837.964</b>

21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.409.759	24.200.846
<b>Cộng</b>	<b>104.409.759</b>	<b>24.200.846</b>

22. Chi phí tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	106.982.823	157.730.995
<b>Cộng</b>	<b>106.982.823</b>	<b>157.730.995</b>

Trang 20



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.603.739.106	5.315.919.827
- 6 tháng đầu năm 2013	1.884.311.456	-
- 6 tháng cuối năm 2013	1.719.427.650	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	165.217.805	78.959.642
- 6 tháng đầu năm 2013	33.830.483	-
- 6 tháng cuối năm 2013	131.387.322	-
Điều chỉnh tăng	165.217.805	78.959.642
- Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	94.044.805	8.759.642
- 6 tháng đầu năm 2013	4.121.483	-
- 6 tháng cuối năm 2013	89.923.322	-
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	71.173.000	70.200.000
- 6 tháng đầu năm 2013	29.709.000	-
- 6 tháng cuối năm 2013	41.464.000	-
Điều chỉnh giảm	3.768.956.911	5.194.919.469
Tổng thu nhập chịu thuế	1.918.141.929	-
- 6 tháng đầu năm 2013	1.850.814.972	-
- 6 tháng cuối năm 2013	849.698.479	1.348.729.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	479.535.485	-
- 6 tháng đầu năm 2013 (25%)	370.162.994	-
- 6 tháng cuối năm 2013 (20%)	-	404.618.960
Thuế TNDN được giảm 30%	849.698.479	944.110.907
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.754.040.627</b>	<b>4.371.848.920</b>

#### 24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.754.040.627	4.371.848.920
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	2.754.040.627	4.371.848.920
L.N hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.856.454	2.483.936
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>964</b>	<b>1.760</b>

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIÁ LẠI  
47 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.354.921.791	5.943.872.180
Chi phí nhân công	3.250.849.735	2.865.857.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.786.461.005	1.574.258.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.992.080.270	1.716.044.576
Chi phí khác bằng tiền	1.067.157.088	1.656.819.726
<b>Cộng</b>	<b>15.451.469.889</b>	<b>13.786.852.710</b>

#### 26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty vẫn lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ vận chuyển, bến bãi và theo một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

#### 27. Công cụ tài chính

##### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

##### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Đến thời điểm hiện tại, số dư nợ gốc vay của Công ty không lớn do đó Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về lãi suất của Công ty ở mức thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI  
42 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là hệ phận tiếp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy không có rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu đầu vào.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Với đặc thù kinh doanh vận chuyển xe buýt, dịch vụ bến xe là thu tiền ngay. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp xếp hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2013	Đơn vị tính: VND		Cộng
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	
Các khoản vay và nợ	130.000.000	450.000.000	600.000.000
Phải trả người bán	399.692.930	-	399.692.930
Chi phí phải trả	1.165.833	-	1.165.833
Phải trả khác	279.191.595	-	279.191.595
<b>Cộng</b>	<b>830.050.358</b>	<b>450.000.000</b>	<b>1.280.050.358</b>
31/12/2012	Đơn vị tính: VND		Cộng
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	
Các khoản vay và nợ	832.511.000	-	832.511.000
Phải trả người bán	588.003.054	-	588.003.054
Chi phí phải trả	2.216.322	-	2.216.322
Phải trả khác	587.336.195	-	587.336.195
<b>Cộng</b>	<b>2.010.066.571</b>	<b>-</b>	<b>2.010.066.571</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Trang 24



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI**  
42 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	497.335.665	-	497.335.665
Phải thu khách hàng	136.810.864	-	136.810.864
Phải thu khác	20.412.251.806	-	20.412.251.806
<b>Cộng</b>	<b>21.046.398.335</b>	<b>-</b>	<b>21.046.398.335</b>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	232.708.438	-	232.708.438
Phải thu khách hàng	376.361.364	-	376.361.364
Đầu tư tài chính	800.000.000	-	800.000.000
Phải thu khác	17.097.061.504	-	17.097.061.504
<b>Cộng</b>	<b>18.506.131.306</b>	<b>-</b>	<b>18.506.131.306</b>

**28. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Công ty mẹ
Công ty TNHH Khai thác & Chế biến Đá Granit DLGL	Chung Công ty mẹ
Công ty CP Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai	Chung Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai	Chung Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
Số 15 Nam Đê, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính.

## b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

Nội dung	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuế kho, vận chuyển	155.035.455
Công ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá Granit DLGL	Dầu	11.405.700
Công ty CP Trồng rừng & Cây Công nghiệp DLGL	Thuế Văn phòng	28.329.840
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	Thuế Văn phòng	23.872.550
<b>Mua hàng và nhận dịch vụ</b>		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuế xe buýt, d.vụ khác	544.560.000
	Trả nợ gốc vay	1.710.908.274
	Củi phí lãi vay	82.441.251
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	Thi công công trình	1.090.909.091
<b>Các khoản thu chi hộ</b>		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chi hộ (phải thu lại)	1.062.407.600
	Thu hồi các khoản chi hộ	973.110.000
	Chi cho mượn	3.013.553.900
	Thu tiền cho mượn	360.137.000
	Bù trừ nợ	599.016.000
Công ty CP Đức Long Đà Nẵng	Chi hộ (phải thu lại)	1.141.358.740
	Bù trừ nợ	1.141.358.740
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	Chi hộ (phải thu lại)	112.402.600
	Bù trừ nợ	112.402.600
Công ty CP Trồng rừng & Cây Công nghiệp DLGL	Chi hộ (phải thu lại)	950.000.000
	Bù trừ nợ	950.000.000

## c. Số dư với các bên có liên quan

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá Granit DLGL	44.474.364	226.474.364
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện năng	21.000.000	21.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	20.186.832.795	17.070.029.295
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ DLGL	20.749.940	20.749.940

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**30. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc  
Lê Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



## KẾT LUẬN

Nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đã cơ bản thoát khỏi đáy của cuộc khủng hoảng trong năm 2013, tuy nhiên năm 2013 được nhìn nhận là một năm chứng kiến sự biến động khó lường theo chiều hướng phức tạp của nền kinh tế. Bên cạnh đó là nguy cơ lạm phát tiềm ẩn nên các chính sách vĩ mô đều tập trung vào việc kìm hãm lạm phát. Tình hình kinh tế trong nước cũng không nằm ngoài vòng điều chỉnh như vậy, giá vàng, giá dầu và giá đô la trong nước và thế giới không ngừng tăng đột biến; giá xăng dầu, giá điện tăng đã làm cho chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tăng thêm và lợi nhuận giảm đi trầm trọng... Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết và kinh nghiệm cho con đường phát triển của DLGL INDPS, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong các năm tới. Tập thể DLGL INDPS với một tinh thần đoàn kết, tương hỗ và quyết tâm hoàn thành kế hoạch giai đoạn 2012-2016 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DLGL INDPS trở thành đơn vị hàng đầu về cung cấp dịch vụ bến xe, bãi đỗ trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và khu vực Miền Trung”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì DLGL INDPS đang chú trọng mở rộng cung cấp dịch vụ kèm theo, như cho thuê văn phòng, cho thuê ki ốt, khu vui chơi, giải trí và trung tâm kinh doanh thương mại theo phương châm: **“Bến xe là nhà, Cán bộ nhân viên là chủ”**. Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo. Rất mong các nhà đầu tư và các cổ đông thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT lãnh đạo Công ty từng bước vượt qua khó khăn, tạo tiền đề vững chắc trong năm 2015 và những năm sau khi tình hình kinh tế phục hồi./.

GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Ngọc